

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký ghi biên bản: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Tổ 01, ấp P, xã H, huyện A, An Giang;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, khóm N, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1985, cư trú: Tổ 01, ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà N và ông H vắng có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng bà Nguyễn Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông H là do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới năm 2006 và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn cả hai đi làm ở Bình Dương rồi về sống với gia đình chồng ở ấp P, xã H từ năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không chịu làm ăn mà chỉ ham chơi, rượu chè và còn có hành vi bạo lực gia đình đối với bà N, liên tục có xung đột mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn. Khoảng cuối năm 2021 sau khi hết thời gian giãn cách do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà N đã về nhà mẹ ruột tại khóm H, thị trấn A, huyện A sống cho đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng bà N không đồng ý. Hiện nay bà đang làm công nhân ở Bình Dương còn ông H ở nhà không nghề nghiệp. Nhận thấy tình cảm dành cho ông H không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Thanh Ngọc T, sinh ngày 19/8/2006 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay cháu T sống với bà N, còn cháu H đang sống cùng ông H. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông H.

Cháu Huỳnh Quốc H có văn bản trình bày ý kiến: Ông H là cha ruột, bà N là mẹ ruột của cháu. Hiện nay, cháu đang học đến lớp 8 trường Trung học cơ sở H, do đi học nên cháu đang ở với cha. Cha mẹ cháu đã không sống chung với nhau khoảng hai năm nay. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với cha để thuận lợi cho việc đi học và xin cho mẹ được về thăm cháu. Ngoài ra, cháu không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/2/2023, bị đơn ông Huỳnh Thanh H trình bày thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc dẫn đến cự cãi, ông và bà N đã không sống chung từ năm 2020 đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm cho cả hai nhưng bà N không đồng ý. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống với nhau cũng không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà N. Ông thống nhất giao cháu T cho bà N nuôi dạy, đồng ý nuôi dạy cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông H theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông H và bà N để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 07/4/2023 của Công an xã H cung cấp ông Huỳnh Thanh H có địa chỉ đăng ký thường trú tại tổ 1, ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang là con ông Huỳnh Thanh B và bà Lê Thị T cùng địa chỉ cư trú. Hiện vẫn đang cư trú ở địa phương, nhân khẩu trên vẫn do công an quản lý.

Về mâu thuẫn hôn nhân:

Bà Phạm Thanh A, mẹ ruột của bà N trình bày: Hôn nhân giữa bà N và ông H là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2019 và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội. Sau khi kết hôn cả hai đi làm ở Bình Dương rồi về sống với gia đình chồng ở ấp Phú Nhơn, xã Phú Hội từ năm 2017. Từ khi về ở Phú Hội, ông H không chịu làm ăn mà chỉ ham chơi, rượu chè và còn có hành vi bạo lực đối với bà N. Hiện bà N đang làm công nhân ở Bình Dương nhưng bà đã về sống với bà A từ khoảng cuối năm 2021 cho đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm cho hai vợ chồng nhưng không thành, nay nhận thấy không còn tình cảm nên bà xin ly hôn thì bà Hoa không có ý kiến, để ông bà tự quyết định. Ngoài ra ông bà còn có 02 con chung hiện cháu T đang sống với bà N và cháu H sống với ông H.

Ông Huỳnh Thanh B, cha ruột ông H trình bày: Ông H và bà N tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn. Bà N đi làm Bình Dương còn ông H do mẹ già lớn tuổi bị bệnh nặng nên về chăm sóc, bà N không đồng ý nên xảy ra tranh cãi, ông H buồn lòng nên có uống rượu. Ông bà sống ly thân từ năm 2020 đến nay, gia đình hai bên đều ra sức khuyên ngăn nhưng không thành. Nay bà N xin ly hôn với ông H thì ông không có ý kiến tùy ông bà quyết định. Ông bà còn 02 con chung tên Huỳnh Thanh Ngọc T 17 tuổi và Huỳnh Quốc H 13 tuổi.

Tại phiên tòa, bà N và ông H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư

cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N chung sống với ông H đến năm 2020 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H hiện có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông H xây dựng gia đình dựa trên sự tự nguyện, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 01/10/2009 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông H. Ông H nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà N.

Tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2020 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà N cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là ông H không chịu làm ăn mà chỉ ham chơi, rượu chè và còn có hành vi bạo lực đối với bà N, liên tục có xung đột mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn. Cả hai đã không sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Quan trọng hơn, ông H thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống với nhau cũng không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn. Mâu

thuần vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Phạm Thanh A là mẹ ruột của bà N và ông Huỳnh Thanh B là cha ruột của ông H. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Thanh Ngọc T, sinh ngày 19/8/2006 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay cháu T sống với bà N, cháu H sống cùng ông H. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà N yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, các cháu Thảo và Huy hiện sống ổn định, được đi học, đi làm, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu; cháu H có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng từ trước đến nay để thuận lợi cho việc học. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu T; tuy nhiên, ông H cũng thống nhất giao cháu T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, việc thỏa thuận về nuôi con chung sau khi ly hôn của bà N, ông H là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà N và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 224 ngày 01/10/2009 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh An Giang mang tên bà Nguyễn Ngọc N và ông Huỳnh Thanh H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc N được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Thanh Ngọc T, sinh ngày 19/8/2006. Ông Huỳnh Thanh H được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 21/9/2009.

Công nhận sự tự nguyện của bà N và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008170 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà N nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2023), thời hạn kháng cáo của bà N và ông H được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSH;
- THAH;
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thảo Ngân